|  |  |
| --- | --- |
|  BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH****‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾** |

**KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2023-2024**

**BỘ MÔN ĐIỀU DƯỠNG - HOÁ DƯỢC**

 **Thời gian**: 14h00 ngày 5 tháng 8 năm 2023

 **Địa điểm**: Văn phòng Viện CNHS-MT

**Thành phần:** Ban lãnh đạo viện, giảng viên bộ môn Điều dưỡng - Hoá dược

**1. Kế hoạch tuyển sinh**

***1.1. Sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh bình quân tuyển sinh trong năm học:***

Số lượng sinh viên chính quy: 87/100 sinh viên

Số lượng học viên cao học: 0

Số lượng nghiên cứu sinh: 0

**3. Kế hoạch đào tạo**

- Ổn định quy mô, nâng cao chất lượng toàn diện và hiệu quả đào tạo ở tất cả các hệ. Tiếp tục hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo tiếp cận CDIO. Đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

+ Tiếp tục giữ vững kế hoạch phân công giờ dạy, đảm bảo cân đối giờ dạy giữa các cán bộ giảng dạy và cố gắng không để cán bộ nào thiếu giờ trong năm học 2023 - 2024.

 + Triển khai thực hiện các sinh hoạt chuyên môn, dự giờ thăm lớp.

- Phát huy ưu thế và nâng cao chất lượng đào tạo. Tiếp tục rà soát điều chỉnh khung chương trình và đề cương chi tiết các học phần cho các ngành đào tạo đại học. Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, tăng cường biên soạn giáo trình tài liệu.

- Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua các hoạt động chuyên môn: đổi mới phương pháp giảng dạy; tăng cường dự giờ thăm lớp, seminar bộ môn, nâng cao chất lượng hoạt động thực hành thí nghiệm, hoạt động thực tập nghề.

- Huy động các nguồn lực chất xám tham gia vào công tác đào tạo: mời thỉnh giảng, chuyên gia... tham gia giảng dạy, sinh hoạt học thuật. Nâng cao các kỹ năng như hoạt động nhóm, hoạt động chuyên đề cho các học viên, sinh viên.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch đi thực hành lâm sàng cho K61, và thực tập tốt nghiệp cho K60 tại các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Vinh và phân công cán bộ đi kiểm tra lâm sàng.

 **Cụ thể như sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên giảng viên** | **Tên HP hoặc chuyên đề hướng dẫn LV, Dự án** | **Trình độ đào tạo** | **Học Kỳ** |
| **Lê Thế Tâm** | Tin học trong CNTP-CNSH (124.1)\_TH\_01 | Đại học | HK1 |
| Tin học trong CNTP-CNSH (124.1)\_TH\_02 | Đại học | HK1 |
| Hóa học \_LT\_01 | Đại học | HK2 |
| Hóa học \_LT\_01 \_TH\_01 | Đại học | HK2 |
| Hóa học \_LT\_01 TH\_02 | Đại học | HK2 |
| Hóa học \_LT\_01 TH\_03 | Đại học | HK2 |
| Hóa học \_LT\_01 TH\_04 | Đại học | HK2 |
| Hóa học \_LT\_02 | Đại học | HK2 |
| Hóa học \_LT\_02 \_TH\_01 | Đại học | HK2 |
| Hóa học \_LT\_02 \_TH\_02 | Đại học | HK2 |
| Hóa học \_LT\_02 \_TH\_03 | Đại học | HK2 |
| Hóa học \_LT\_02 \_TH\_04 | Đại học | HK2 |
| **Hoàng Văn Trung** | Phân tích chất lượng thực phẩm (124.2)\_LT\_01 | Đại học | HK1 |
| Phân tích chất lượng thực phẩm (124.2)\_LT\_01 \_TH\_01 | Đại học | HK1 |
| Phân tích chất lượng thực phẩm (124.2)\_LT\_01\_TH\_02 | Đại học | HK1 |
| Phân tích độc tố, phụ gia và chất ô nhiễm trong thực phẩm (124.1)\_LT\_01\_(TC) | Đại học | HK1 |
| Phân tích độc tố, phụ gia và chất ô nhiễm trong thực phẩm (124.1)\_LT\_01\_(TC)\_TH 01 | Đại học | HK1 |
| Tin học ứng dụng trong y học (124.1)\_LT\_01 | Đại học | HK1 |
| Tin học ứng dụng trong y học (124.1)\_LT\_01 \_TH\_01 | Đại học | HK1 |
| Tin học ứng dụng trong y học (124.1)\_LT\_01 \_TH\_02 | Đại học | HK1 |
| Tin học ứng dụng trong y học (124.1)\_LT\_01 \_TH\_03 | Đại học | HK1 |
| Tin học ứng dụng trong y học (124.1)\_LT\_02  | Đại học | HK1 |
| Tin học ứng dụng trong y học (124.1)\_LT\_02 \_TH\_01 | Đại học | HK1 |
| Tin học ứng dụng trong y học (124.1)\_LT\_02 \_TH\_02 | Đại học | HK1 |
| Tin học ứng dụng trong y học (124.1)\_LT\_02 \_TH\_03 | Đại học | HK1 |
| **Nguyễn Văn Quốc** | Thực hành hóa học 2 (124.1) TH 01 | Đại học | HK1 |
| Thực hành hóa học 2 (124.1) TH 02 | Đại học | HK1 |
| Thực hành hóa học 2 (124.1) TH 03 | Đại học | HK1 |
| Hóa sinh y học (223.1)\_LT\_01 | Đại học | HK2 |
| Hóa sinh y học (223.1)\_LT\_01\_TH\_01 | Đại học | HK2 |
| Hóa sinh y học (223.1)\_LT\_01\_TH\_02 | Đại học | HK2 |
| Hóa sinh y học (223.1)\_LT\_01\_TH\_03 | Đại học | HK2 |
| Hóa sinh y học (223.1)\_LT\_02\_TH\_01 | Đại học | HK2 |
| Hóa sinh y học (223.1)\_LT\_02\_TH\_02 | Đại học | HK2 |
| Hóa sinh y học (223.1)\_LT\_02\_TH\_03 | Đại học | HK2 |
| Hóa sinh y học (223.1)\_LT\_01\_TH\_01 | Đại học | HK2 |
| **Nguyễn Thị Sương** | Điều dưỡng cơ sở 2 (124.2)\_LT 01 TH 01 | Đại học | HK1 |
| Điều dưỡng cơ sở 2 2 (124.2)\_LT 01 TH 01 | Đại học | HK1 |
| Điều dưỡng cơ sở 2 (124.2)\_LT 02 TH 01 | Đại học | HK1 |
| Điều dưỡng cơ sở 2 2 (124.2)\_LT 02 TH 02 | Đại học | HK1 |
| Điều dưỡng cơ sở 1(223.2)\_LT\_01\_TH\_01 | Đại học | HK2 |
| Điều dưỡng cơ sở 1(223.2)\_LT\_01\_TH\_02 | Đại học | HK2 |
| Điều dưỡng cơ sở 1(223.2)\_LT\_01\_TH\_03 | Đại học | HK2 |
| Điều dưỡng cơ sở 1(223.2)\_LT\_01\_TH\_04 | Đại học | HK2 |

**Danh sách thính giảng năm học 2023 - 2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên** | **Năm sinh** | **Học hàm, học vị** | **Chuyên nghành đào tạo** | **Đơn vị công tác** (Nếu đang công tác) | **Học phần mời thính giảng** | **Khóa** | **Ghi chú** |
|
| 1 | Quế Anh Trâm | 1970 | TS.BSCKII | Bác sỹ Đa Khoa | Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An | Điều dưỡng truyền nhiễm | 61 | HKI |
| 2 | Nguyễn Cảnh Hùng | 1978 | ThS.BSCKII | Tâm thần | Bệnh viện Tâm thần Nghệ An | Chăm sóc sức khỏe tâm thần | 61 | HKI |
| 3 | Lê Đắc Quang | 1991 | ThS.BSCKI | Phục hồi chức năng | Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An | Vật lí trị liệu và phục hồi chức năng | 61 | HKI |
| 4 | Nguyễn Hữu Lê | 1973 | TS.BSCKII | Bác sỹ Đa Khoa | Sở Y tế Nghệ An | Quản lý điều dưỡng | 61 | HKI |
| 5 | Trần Anh Đào | 1989 | ThS | Sinh học thực nghiệm | Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An | Nghiên cứu khoa học điều dưỡng | 61 | HKI |
| 6 | Trần Tất Thắng | 1965 | TS.BSCKII | Bác sỹ Đa Khoa | Bệnh viện Mắt Nghệ An | Chăm sóc sức khỏe cộng đồng | 61 | HKI |
| 7 | Trần Tất Thắng | 1965 | TS.BSCKII | Bác sỹ Đa Khoa | Bệnh viện Mắt Nghệ An | Điều dưỡng bệnh ngoại khoa | 62 | HKI |
| 8 | Vi Thị Lan Hương | 1979 | ThS. BSCKII | Y học cổ truyền | Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An | Y học cổ truyền | 62 | HKI |
| 9 | Nguyễn Thị Giang An; Phạm Hồng Phương | 1968 | TS.BSCKII | Bác sỹ Đa Khoa | Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An | Sinh lý bệnh – miện dịch | 62 | HKI |
| 10 | Tăng Xuân Hải | 1966 | TS.BSCKII | Tai mũi họng | Bệnh viện Sản nhi Nghệ An | Điều dưỡng bệnh nội khoa | 63 | HKII |
| Nguyễn Thế Trọng | 1984 | ThS.BSCK1 | Bệnh viện ung bướu Nghệ An |
| 11 | Bùi Kim Thuận | 1962 | TS.BSCKII | Tai mũi họng | Bệnh viện Sản nhi Nghệ An | Điều dưỡng Nhi | 62 | HKII |
| 12 | Hồ Giang Nam | 1986 | ThS.BSCKI | Tai mũi họng | Bệnh viện Sản nhi Nghệ An | Điều dưỡng phụ sản | 62 | HKII |
| 13 | Trần Tất Thắng | 1965 | TS.BSCKII | Bác sỹ Đa Khoa | Bệnh viện Mắt Nghệ An | Chăm sóc sức khỏe gia đình | 62 | HKII |
| 14 | Lương Mạnh Hùng | 1980 | ThS.BSCKII | Bác sỹ Đa Khoa | Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An | Điều dưỡng cấp cứu và điều trị tích cực | 62 | HKII |
| 15 | Quế Anh Trâm | 1970 | TS.BSCKII | Bác sỹ Đa Khoa | Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An | Chăm sóc người bệnh HIV/AIDS | 62 | Tự chọn HKII |
| 16 | Hoàng Thị Ái Khuê | 1961 | PGS.TS | GDTC | Nguyên GV ĐHV | Chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi | 62 | Tự chọn HKII |

**4. Kế hoạch và nội dung công việc tổ chức thực tập, thực hành lâm sàng**

Nhằm có được một kỳ thực hành lâm sàng hiệu quả thì bước cơ bản đầu tiên sinh viên cần phải lên kế hoạch. Trên cơ sở kế hoạch, các nội dung, chỉ tiêu thực tập nhà trường đề ra, sinh viên cần xác định được bản thân mình sẽ cần phải đạt được những gì sau khi kết thúc khóa thực hành. Khi đó, các em sẽ có động lực cố gắng, kiểm soát tốt được công việc trong thời gian đi thực hành lâm sàng.

1. Quy định chung

- Mục tiêu, nội dung thực tập, chỉ tiêu tay nghề, địa điểm thực tập, thực hành lâm sàng do Bộ môn đề xuất cụ thể phù hợp với chuyên ngành và thực tế, trình lãnh đạo Viện phê duyệt theo từng năm học.

- Bộ môn phải thống nhất với giảng viên giảng dạy lâm sàng tại bệnh viện về mục tiêu, nội dung, phương pháp đánh giá cho từng đối tượng và theo từng học phần thực tập, thực hành lâm sàng tại khoa BV.

- Thời gian thực tập, thực hành lâm sàng tùy theo từng học phần lâm sàng, triển khai thực tập lâm sàng vào buổi sáng hoặc buổi chiều, theo ca dạy hay cả ngày tùy theo đặc thù của khoa lâm sàng tại BV và điều kiện thực tế, thực hiện giờ học tập theo quy định giờ làm việc của BV/cơ sở y tế và theo mùa (giờ làm việc mùa đông, mùa hè);

- Sinh viên phải có mặt đúng giờ thực tập và ở đúng vị trí theo lịch thực tập. Sinh viên được xem như vắng không có lý do nếu:

+ Đi trễ hoặc về sớm quá 15 phút;

+ Có mặt trong khoa/bệnh viện nhưng không đúng vị trí theo lịch phân công;

+ Không có mặt khi điểm danh đột xuất.

- Sinh viên vắng thực tập có lý do chính đáng phải làm đơn xin phép theo quy định của Khoa.

2. Tổ chức thực tập lâm sàng

- Trên cơ sở mục tiêu, nội dung, chỉ tiêu tay nghề, địa điểm thực tập, thực hành lâm sàng đã được lãnh đạo Viện phê duyệt, Bộ môn kết hợp với các Trưởng khoa lâm sàng BV tổ chức triển khai đảm bảo đúng kế hoạch và tiến độ;

- Buổi đầu tiên của đợt thực tập lâm sàng, Trưởng khoa lâm sàng BV gặp mặt sinh viên, giảng viên, điều dưỡng Bộ môn hoặc Điều dưỡng trưởng của khoa lâm sàng BV phổ biến nội quy khoa/phòng thực tập và cách thức học tập;

- Quy trình thực tập lâm sàng:

+ Giao ban sinh viên tại phòng giao ban hoặc phòng học của bệnh viện vào đầu mỗi buổi học, Tổ/Nhóm trưởng sinh viên điểm danh và báo cáo Điều dưỡng trưởng của khoa lâm sàng BV;

+ Sinh viên thực hiện chăm sóc người bệnh, thực hiện quy trình kỹ thuật (tùy thuộc vào khoa thực tập) tại vị trí được phân công;

+ Giảng viên/Điều dưỡng của bệnh viện hướng dẫn học lâm sàng tại buồng bệnh hoặc khi thực hiện thủ thuật lâm sàng;

+ Thời gian học lâm sàng: buổi sáng từ 7h30-11h30; sinh viên thực hiện các chỉ tiêu lâm sàng phải được ghi vào sổ chỉ tiêu lâm sàng của mình và xin xác nhận của cán bộ hướng dẫn thực hiện kỹ thuật đó.

- Thực hiện nhiệm vụ trực tại khoa lâm sàng BV:

+ Sinh viên có ít nhất 01 buổi trực lâm sàng trong 01 tuần hoặc theo các yêu cầu khác của BV;

+ Thời gian trực: từ 19h00 đến 22h30 hoặc trực cả đêm từ 17h00 đến 7h30 sáng hôm sau tùy theo năm học và tùy theo khoa/phòng BV yêu cầu. Sinh viên đi trực không được nghỉ học lâm sàng hay lý thuyết ngày hôm sau (trường hợp đặc biệt phải làm đơn xin phép và được sự đồng ý của điều dưỡng trưởng phụ trách khoa lâm sàng). Kết thúc buổi trực lâm sàng, sinh viên phải trinhg ký xác nhận của bác sỹ/điều dưỡng trực tại bệnh viện ngày hôm đó.

***- Thời gian thực hiện:***

Trong học kỳ I năm học 2023-2024 (***Từ 25/09/2023 đến 24/12/2023***)

***- Địa điểm, lớp sinh viên và học phần thực tập, thực hành lâm sàng:***

 + Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An: Điều dưỡng truyền nhiễm NUR30021 (K61-Điều dưỡng); Chăm sóc sức khỏe tâm thần NUR30022 (K61-Điều dưỡng); Điều dưỡng bệnh ngoại khoa NUR300013 (K62-Điều dưỡng).

 + Bệnh viện Mắt Nghệ An: Chăm sóc sức khỏe cộng đồng NUR30024 (K61-Điều dưỡng).

 + Bệnh viện YHCT Nghệ An: Vật lí trị liệu và phục hồi chức năng NUR30021 (K61-Điều dưỡng); Y học cổ truyền NUR30009 (K62-Điều dưỡng).

***- Số lượng sinh viên thực tập:*** K61 (46 SV có danh sách kèm theo); K62 (68 SV có danh sách kèm theo).

***- Cán bộ Viện CN Hóa sinh - Môi trường phân công đi kiểm tra:***

1. PGS.TS. Cao Tiến Trung, Viện trưởng Viện CNHS-MT, Trưởng đoàn
2. TS. Lê Thế Tâm, Trưởng bộ môn Điều dưỡng - Hóa dược, Phó Trưởng đoàn
3. TS. Hoàng Văn Trung, CBGD bộ môn Điều dưỡng - Hóa dược
4. BS. Nguyễn Thị Sương, CBGD bộ môn Điều dưỡng - Hóa dược
5. ThS. Nguyễn Văn Quốc, CBGD bộ môn Điều dưỡng - Hóa dược
6. TS. Hồ Đình Quang, CBGD bộ môn Công nghệ sinh học - Môi trường
7. ThS. Đinh Thị Kim Hảo, CBGD bộ môn Công nghệ sinh học - Môi trường
8. TS. Lê Thị Mỹ Châu, CBGD bộ môn Công nghệ thực phẩm
9. TS. Hồ Thị Phương, CBGD bộ môn Công nghệ sinh học - Môi trường

**5. Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng.**

- Thực hiện quy hoạch và đẩy mạnh các mũi nhọn trong nghiên cứu khoa học tạo tiền đề bước đầu cho công tác hình thành các nhóm cũng như trường phái nghiên cứu.

- Tiếp tục phát huy vai trò của các tiến sĩ trẻ mới được đào tạo.

- Tiếp tục gửi cán bộ đi nghiên cứu sinh, thực tập sinh, ưu tiên những người làm nghiên cứu sinh nước ngoài và đúng chuyên ngành.

**6. Kế hoạch NCKH, Hợp tác quốc tế**

- Đẩy mạnh công tác đăng tải các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế, hội thảo chuyên ngành. Nâng cao hàm lượng khoa học các bài báo, các công trình khoa học. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ở các phòng thí nghiệm

 - Tổ chức các seminar, hội nghị, hội thảo khoa học cấp trường, khu vực, quốc gia và quốc tế.

 - Việc gắn hoạt động nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Nghệ An và các địa phương khác. Triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong phòng thí nghiệm ra thực tiễn sản xuất.

 - Coi công tác NCKH là hoạt động quan trọng tạo thêm việc làm chính đáng theo chuyên môn và nâng cao đời sống cho cán bộ.

 ***Cụ thể như sau:***

- Có 1 đề tài cấp Bộ và 1 đề tài trọng điểm cấp Trường đang triển khai.

 - 1 đề tài cấp Bộ dự kiến được phê duyệt

- Dự kiến có 3 đề tài sinh viên sẽ triển khai

- Seminar: 6

 - Xuất bản: đăng ký xuất bản 1 sách giáo trình theo kế hoạch

**6. Công tác kiểm định chất lượng:**

 - Đẩy mạnh việc kiểm tra đánh giá học một cách khách quan, đúng quy chế, đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng.

 - Kiểm tra nề nếp dạy học và nề nếp làm việc của cán bộ, công chức, viên chức của BM. Thực hiện kiểm tra đột xuất giờ lên lớp, giờ thực hành ở một số lớp/học phần

 - Đẩy mạnh công tác thực hành thí nghiệm, các bộ môn rà soát và báo cáo tình hình thực hành, chất lượng thực hành thực tế ở các học phần.

**7. Công tác cơ sở vật chất**

- Phát huy mọi nguồn lực, huy động mọi tiềm năng trong xây dựng cơ sở vật chất. Nâng cao hiệu quả khai thác thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

+Chú trọng đầu tư thiết bị cho các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

+ Tiếp tục phát huy định hướng các mũi nhọn nghiên cứu, khai thác thiết bị

+ Phối hợp tốt hơn nữa với trung tâm thực hành thí nghiệm trong việc quản lý, khai thác, vận hành thiết bị phục vụ đào tạo nghiên cứu khoa học

**8. Công tác đoàn thể và các công tác khác**

- Nâng cao và lồng ghép các hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong các hoạt động của Viện nhằm tạo được hiệu quả cao.

+ Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong các hoạt động của Viện, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ trong viện

+ Duy trì các hoạt động Đoàn, Hội tạo nên không khí thi đua trong các Lớp, Chi đoàn.

 - Thúc đẩy và thực hiện đánh giá nghiêm túc công tác thi đua khen thưởng ở các tổ bộ môn, đưa công tác thi đua khen thưởng thực sự trở thành động lực thúc đẩy các hoạt động trong Viện.

**9. Công tác quảng bá tuyển sinh**

 Nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch tuyển sinh, BM sẽ xây dựng kế hoạch quảng bá tuyển sinh chi tiết cho năm học 2023-2024 để trình lên Viện CNHS-MT.

 **Thư ký Chủ trì**

 ** **

**BS. Nguyễn Thị Sương TS. Lê Thế Tâm**